

DI SẢN VĂN HÓA THẾ GIỚI Ở VIỆT NAM VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH

WORLD CULTURAL HERITAGE IN VIETNAM WITH TOURISM DEVELOPMENT

PHAN HUY XU^(*) và VÕ VĂN THÀNH^(**)

TÓM TẮT: Việt Nam có 27 di sản thiên nhiên và văn hóa được UNESCO công nhận dưới nhiều danh hiệu khác nhau. Ngoài ba di sản thiên nhiên thế giới là Vịnh Hạ Long, Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng và Cao nguyên đá Đồng Văn, chúng ta có đến 24 di sản văn hóa được UNESCO vinh danh. Những di sản văn hóa thế giới đó là tiềm năng to lớn để phát triển du lịch di sản ở Việt Nam. Du khách bị hấp dẫn bởi các điểm đến có sự bổ sung giữa cảnh đẹp tự nhiên và nền văn hóa truyền thống, gây ấn tượng mạnh và độc đáo, đặc biệt là các di sản văn hóa đã được UNESCO vinh danh. Bài viết này, chúng tôi đề cập đến Di sản Văn hóa Thế giới ở Việt Nam trong phát triển du lịch cùng những vấn đề có liên quan như một số khái niệm về di sản văn hóa thế giới của UNESCO với những tiêu chí công nhận, di sản văn hóa phi vật thể thế giới cũng như tiềm năng, thực trạng bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa thế giới ở Việt Nam trong du lịch.

Từ khóa: Di sản Văn hóa Thế giới, di sản văn hóa phi vật thể, du lịch di sản, phát huy giá trị di sản, quản lý di sản,...

ABSTRACTS: There are 27 natural and cultural heritages of Vietnam recognized by UNESCO under various titles. In addition to the three world natural heritages, Ha Long Bay, Phong Nha-Ke Bang National Park and Dong Van Karst Plateau, there are other 24 cultural heritages that recognized. World cultural heritages are great potential for the development of heritage tourism in Vietnam. Visitors are fascinated by the places that include between natural beauty and traditional culture, which are impressive and unique, especially the cultural heritage was honored by UNESCO. In this article, we refer to the World Cultural Heritage in Vietnam in tourism development and related issues and some definitions of UNESCO's World Cultural Heritage with the criteria for accreditation. Also, we mention to the potential and current status of preserving and promoting the value of world cultural heritages in Vietnam to develop tourism.

Key words: World Cultural Heritage, intangible cultural heritage, heritage tourism, promotion of heritage values, heritage management, etc.

(*) PGS.TS. Trường Đại học Văn Lang, xuphanhuy@gmail.com, Mã số: TCKH09-02-2018

(**) ThS. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, vonhanchi@gmail.com

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Việt Nam là một quốc gia có nhiều di sản được UNESCO công nhận. Đến hết năm 2017, Việt Nam có tất cả 27 Di sản Thế giới, trong đó có 3 Di sản Thiên nhiên Thế giới và 24 Di sản Văn hóa Thế giới dưới nhiều danh hiệu. Như vậy, tiềm năng di sản của nước ta rất to lớn. Nhưng về mặt bảo tồn, phát huy và khai thác giá trị di sản văn hóa thế giới chưa tương xứng với tiềm năng. Bài viết này bước đầu tìm hiểu một số khái niệm và tiêu chí về di sản văn hóa thế giới, phân tích tiềm năng, thực trạng bảo tồn và khai thác các di sản văn hóa thế giới ở nước ta, đặc biệt, đối với sự phát triển của du lịch. Đồng thời, bài viết cũng nêu một số giải pháp về khai thác di sản văn hóa thế giới trong du lịch thời kỳ hội nhập quốc tế của nước ta hiện nay.

2. NỘI DUNG

Chúng tôi trích dẫn một số khái niệm về di sản văn hóa, di sản văn hóa phi vật thể của UNESCO làm cơ sở khoa học nhằm tìm hiểu mối quan hệ giữa di sản văn hóa thế giới và phát triển du lịch, vốn được xem là một ngành kinh tế mũi nhọn theo *Nghị quyết số 08 - NQ/TW* đã đề ra.

2.1. Khái niệm và tiêu chí về Di sản Văn hóa của UNESCO

Theo *Công ước về Bảo vệ Di sản Văn hóa và Thiên nhiên Thế giới* (Convention Concerning the Protection of the World Cultural and Natural heritage) của UNESCO, họp tại Paris từ 17/10 đến 21/11/1972, kỳ họp lần thứ 17, tại Khoản 1, Điều 1 có quy định *Di sản văn hóa* là:

“Các công trình kiến trúc, tác phẩm điêu khắc và hội họa hoành tráng, các yếu tố hay cấu trúc có tính chất khảo cổ học,

bia ký, hang cư trú và các đặc trưng kết hợp, có giá trị nổi bật toàn cầu xét theo quan điểm lịch sử, nghệ thuật và khoa học;

Quần thể các công trình xây dựng: Quần thể các công trình xây dựng tách biệt hay liên kết lại với nhau, do kiến trúc và tính đồng nhất hoặc vị trí của chúng trong cảnh quan, có giá trị nổi bật toàn cầu xét theo quan điểm lịch sử, nghệ thuật và khoa học;

Các di chỉ: các công trình do con người tạo nên hoặc có sự kết hợp giữa thiên nhiên và nhân tạo, và các khu vực trong đó có các di chỉ khảo cổ có giá trị nổi bật toàn cầu xét theo quan điểm lịch sử, thẩm mỹ, dân tộc học hoặc nhân chủng học” [1, tr.17].

Di sản thế giới đã được UNESCO công nhận từ nhiều năm trước, tuy nhiên, cho đến cuối năm 2004, Ủy ban Di sản Thế giới mới đưa ra 6 tiêu chí cho *di sản văn hóa* và 4 tiêu chí cho *di sản thiên nhiên*. Các tiêu chí công nhận *Di sản Văn hóa Thế giới*: “(i) Là một kiệt tác cho thấy thiên tài sáng tạo của con người; (ii) Biểu hiện sự giao lưu các giá trị của con người, trong một thời gian dài hoặc trong một khu vực văn hóa của thế giới, về những bước phát triển trong kiến trúc, nghệ thuật tượng đài hoặc quy hoạch thành phố và thiết kế cảnh quan; (iii) Là minh chứng độc đáo hoặc chỉ ít cũng là hiếm có cho truyền thống văn hóa hoặc cho một nền văn minh còn đang tồn tại hoặc đã mất; (iv) Là một mẫu hình nổi bật của một loại công trình xây dựng hoặc quần thể kiến trúc hay cảnh quan minh họa cho một (các) giai đoạn trong lịch sử nhân loại; (v) Là một mẫu hình nổi bật về nơi sinh sống truyền thống hoặc sử dụng đất đai của con người đại diện cho một (hoặc

nhieu) nền văn hóa, đặc biệt khi nó trở nên dễ bị tổn thương do tác động của những biến đổi không cưỡng lại được; (vi) Liên quan trực tiếp hoặc đích thực tới các sự kiện hay truyền thống đang còn tồn tại, với những ý tưởng hoặc niềm tin, với các tác phẩm nghệ thuật hoặc văn học có ý nghĩa toàn cầu nổi bật (tiêu chuẩn này chỉ được xem xét trong những hoàn cảnh đặc biệt hoặc liên quan đến các tiêu chí văn hóa hoặc thiên nhiên khác khi Ủy ban xem xét có đưa vào danh sách Di sản Thế giới hay không)” [11; 3, tr.5].

Mỗi di sản văn hóa có những nét đặc trưng và đặc thù vốn có mà UNESO dựa vào những tiêu chí cụ thể để quyết định công nhận nó là Di sản Văn hóa Thế giới hay là không.

Về Di sản Văn hóa phi vật thể Thế giới, tại Khoản 1, Điều 2, Mục 1 của Công ước bảo vệ Di sản văn hóa phi vật thể (Convention for the Safeguarding of the Intangible Cultural heritage) của UNESCO năm 2003 ghi nhận: “Di sản văn hóa phi vật thể được hiểu là các tập quán, các hình thức thể hiện, biểu đạt, tri thức, kỹ năng và kèm theo đó là những công cụ đồ vật, đồ tạo tác và các không gian văn hóa có liên quan mà các cộng đồng, các nhóm người và trong một số trường hợp là các cá nhân, công nhận là một phần di sản văn hóa của họ. Được chuyển giao từ thế hệ này sang thế hệ khác, di sản văn hóa phi vật thể được các cộng đồng, các nhóm người không ngừng tái tạo để thích nghi với môi trường và mối quan hệ qua lại giữa cộng đồng với tự nhiên và lịch sử của họ, đồng thời hình thành trong họ ý thức về bản sắc và sự kế tục, qua đó khích lệ thêm sự tôn trọng đối

với đa dạng văn hóa và tính sáng tạo của con người. Vì những mục đích của Công ước này, chỉ xét đến những di sản văn hóa phi vật thể phù hợp với các văn kiện quốc tế hiện hành về quyền con người, cũng như những yêu cầu về sự tôn trọng lẫn nhau giữa các cộng đồng, các nhóm người và cá nhân và về phát triển bền vững” [10, tr.3; 3, tr.5]. Đây là cách hiểu chính thức của UNESCO về Di sản văn hóa phi vật thể các nước thành viên chấp thuận và vận dụng toàn cầu.

Như vậy, theo UNESCO, Di sản văn hóa phi vật thể được biểu đạt dưới các hình thức: “(a) Các truyền thống và biểu đạt truyền khẩu, trong đó ngôn ngữ là phương tiện của di sản văn hóa phi vật thể; (b) Nghệ thuật trình diễn; (c) Tập quán xã hội, tín ngưỡng và các lễ hội; (d) Tri thức và tập quán liên quan đến tự nhiên và vũ trụ; (e) Nghề thủ công truyền thống” [10, tr.4]. Theo UNESCO & ICH (2004), Di sản Văn hóa phi vật thể còn là *truyền thống, đương đại và sống cùng một lúc* (Traditional, contemporary and living at the same time). Nghĩa là, di sản văn hóa phi vật thể không chỉ là những truyền thống được truyền tải lại từ quá khứ mà còn bao gồm các tập quán đương đại của nhiều nhóm văn hóa khác nhau ở vùng nông thôn và thành thị. Ngoài ra, di sản văn hóa phi vật thể còn thể hiện ở *Tính tổng quát* (Inclusive), *Tính đại diện* (Representative) và *Tính dựa vào cộng đồng* (Community-based) [12].

2.2. Tiềm năng, thực trạng và giải pháp khai thác các Di sản Văn hóa Thế giới trong phát triển du lịch

2.2.1. Tiềm năng du lịch của các Di sản Văn hóa Thế giới ở Việt Nam

Đến hết năm 2017, Việt Nam có đến 27 Di sản Thế giới được UNESCO công nhận thuộc các lĩnh vực như: *Di sản thiên nhiên, di sản địa chất toàn cầu, di sản văn hóa vật thể, di sản văn hóa phi vật thể, di sản tư liệu, di sản hỗn hợp và di sản đa quốc gia*. Ngoài ba di sản thiên nhiên thế giới là vịnh Hạ Long (1994 và 2000), Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng (2003 và 2015) và Cao nguyên đá Đồng Văn (2010), chúng ta có đến 24 Di sản Văn hóa Thế giới dưới nhiều danh hiệu đã được UNESCO vinh danh (theo trình tự thời gian): *Quần thể di tích cố đô Huế* đã trùng tu, bảo tồn và được UNESCO công nhận là *Di sản Văn hóa Thế giới* (1993). *Khu đền tháp Mỹ Sơn* (1999), một tuyệt tác văn minh đỉnh cao của dân tộc Chăm và một số tộc người khác cư trú dọc theo dải đất miền Trung dài và hẹp. *Đô thị Hội An* (1999) từng là nơi giao thương và giao thoa của nhiều nền văn hóa ở khu vực và thế giới từ thế kỷ XVII có sức sống đến mãi hôm nay. *Khu di tích trung tâm Hoàng thành Thăng Long - Hà Nội* được UNESCO công nhận là *Di sản Văn hóa Thế giới* (2010) với sức hấp dẫn đặc biệt là di sản văn hóa của Thủ đô ngàn năm văn hiến, trái tim của Việt Nam hay “Thành phố vì hòa bình”, nơi lưu giữ nền văn hóa của người Việt trong nhiều thế kỷ. *Thành nhà Hồ* (2011) ở Thanh Hóa, di sản của một triều đại có nhiều khao khát canh tân trong lịch sử phong kiến Việt Nam. Vừa qua, UNESCO công nhận Cao

Bàng là công viên địa chất toàn cầu. Đây là công viên địa chất thứ hai ở Việt Nam.

Về sức sống của những di sản văn hóa phi vật thể tại các cộng đồng tộc người ở Việt Nam càng đa dạng và phong phú. *Nhã nhạc cung đình Việt Nam* - âm nhạc tinh hoa của các triều đại phong kiến Việt Nam kết tinh ở triều đại nhà Nguyễn - được UNESCO sớm công nhận là *Di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại* (2003). *Không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên* (2005) của các tộc người cư trú trên địa bàn Tây Nguyên, một di sản văn hóa độc đáo và đặc sắc của các tộc người ở vùng văn hóa Trường Sơn - Tây Nguyên. *Dân ca Quan họ* được UNESCO công nhận là *Di sản văn hóa phi vật thể Thế giới* (2009), đây là loại hình nghệ thuật âm nhạc thuộc cái nôi văn hóa lâu đời của người Việt. *Nghệ thuật Ca trù* được UNESCO công nhận là *Di sản Văn hóa truyền miệng và phi vật thể của nhân loại* vào năm 2009, đây là âm hưởng của nghệ thuật âm nhạc phong lưu thời phong kiến ở Việt Nam. *Hội Gióng ở đền Phù Đổng và đền Sóc* được UNESCO công nhận *Di sản Văn hoá phi vật thể đại diện của nhân loại* (2010). *Hát xoan* được UNESCO công nhận là *Di sản Văn hóa phi vật thể của nhân loại cần phải bảo vệ khẩn cấp* (2011) và chính thức được công nhận là *Di sản Văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại* (12/2017). *Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương* được UNESCO công nhận là *Di sản Văn hóa phi vật thể Thế giới* (2012), tri ân các bậc anh hùng dựng nước, có thể xem là tín ngưỡng Quốc tổ của người Việt. *Nghệ thuật Đờn ca Tài tử Nam Bộ* được UNESCO công nhận là *Di sản Văn hóa phi vật thể của nhân loại*

(2013), âm vang đầy chất tài tử và hào khí người Nam Bộ. *Dân ca ví, giặm Nghệ Tĩnh* được UNESCO công nhận là *Di sản Văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại* (2014). Lần đầu tiên, chúng ta có một *Di sản đa quốc gia* đó là *Nghi lễ và trò chơi Kéo co*, được UNESCO công nhận là *Di sản Văn hóa phi vật thể đa quốc gia* (gồm Việt Nam, Campuchia, Philippines và Hàn Quốc) (2015), đây là trò chơi thú vị của các dân tộc có những nét tương đồng về văn hóa ở châu Á. *Thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt* - Di sản Văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại được UNESCO công nhận (12/2016) với những nét độc đáo của tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ ở người Việt, tín ngưỡng này thể hiện những giá trị văn hóa truyền thống trong tâm thức của người Việt. Ngoài ra, nó còn được xem như một “bảo tàng sống” lưu giữ lịch sử, di sản và bản sắc văn của người Việt. Thông qua việc kết hợp một cách nghệ thuật các yếu tố văn dân gian như trang phục, âm nhạc, hát chầu văn, múa, diễn xướng dân gian trong lên đồng và lễ hội. *Nghệ thuật Bài Chòi miền Trung* được UNESCO công nhận là Di sản Văn hóa Phi vật thể của nhân loại (12/2017) đóng góp thêm cho Việt Nam một Di sản Văn hóa phi vật thể mang tầm cỡ nhân loại với những nét độc đáo về hình thức trình diễn, thể hiện tính nguyên hợp của diễn xướng dân gian,...

Mặt khác, Việt Nam còn có một loạt các di sản tư liệu đã được UNESCO công nhận có thể kể đến như: *Mộc bản triều Nguyễn* được UNESCO công nhận từ năm 2009 với ý nghĩa đặc biệt là bằng chứng của một nền văn hóa chữ viết của một dân

tộc mà cụ thể là người Việt. *Bia đá các khoa thi Tiến sĩ triều Lê và Mạc* được UNESCO công nhận từ năm 2010 với sức hấp dẫn là nơi rạng danh các bậc hiền tài, kẻ sĩ trong lịch sử phong kiến Việt Nam. *Mộc bản kinh Phật thiền phái Trúc Lâm chùa Vĩnh Nghiêm* là di sản thuộc chương trình *Ký ức Nhân loại* được UNESCO công nhận (2012) với nét văn hóa độc đáo là nơi lưu giữ những tinh hoa của Thiền phái Trúc Lâm ở Việt Nam. *Châu bản triều Nguyễn* là di sản thuộc chương trình *Ký ức nhân loại* được UNESCO công nhận (2014) với những nét riêng có là những châu phê, điệp sớ, công văn còn lưu lại của các vị vua triều đại nhà Nguyễn - triều đại phong kiến cuối cùng trong lịch sử Việt Nam. *Thơ văn trên kiến trúc cung đình Huế* là di sản thuộc chương trình *Ký ức Nhân loại* được UNESCO công nhận (2016) với những nét đặc sắc là những sáng tác văn thơ tuyệt tác của các bậc minh quân triều Nguyễn trên các kiến trúc kinh thành Huế. Cùng thời điểm đó, Việt Nam có thêm *Mộc bản trường học Phúc Giang (Hà Tĩnh)* được vinh danh là di sản thuộc chương trình *Ký ức Nhân loại* với nét độc đáo là nơi lưu giữ nếp gia phong, giáo dục của dòng họ Nguyễn Huy ở Hà Tĩnh. Hơn thế nữa, Việt Nam còn có một di sản hỗn hợp rất đặc biệt đã được UNESCO công nhận là *Quần thể danh thắng Tràng An* (2014), một sự kết hợp độc đáo giữa tạo hóa thiên nhiên và sức sáng tạo của con người.

Điểm danh các Di sản Văn hóa Thế giới ở Việt Nam, chúng ta lấy làm tự hào về sức sáng tạo của các tộc người cư trú trên lãnh thổ mang hình dáng chữ S và việc phát huy các giá trị di sản này trong du lịch

là tất yếu trong phát triển du lịch của nước nhà vốn đã được định hướng là ngành mũi nhọn trong cơ cấu kinh tế của Việt Nam. Trong nhiều chuyến du lịch của du khách, văn hóa là một trong những mục đích chính, là đối tượng mà du khách muốn tìm hiểu, trải nghiệm, thẩm nhận, tận hưởng sự khác biệt với văn hóa mà họ đang có. Theo số liệu điều tra của Tổ chức du lịch Thế giới (UNWTO) *“Có đến hơn 80% số khách đi du lịch nhằm vào mục đích hưởng thụ các giá trị văn hóa độc đáo và khác biệt với nền văn hóa của dân tộc họ. Họ bị hấp dẫn bởi các điểm đến có sự bổ sung giữa cảnh đẹp tự nhiên và nền văn hóa truyền thống, gây ấn tượng mạnh và độc đáo. Du khách muốn được xem và hưởng thụ những giá trị văn hóa đích thực, sống động trong cuộc sống hằng ngày của người dân bản địa. Điều này hấp dẫn hơn rất nhiều so với những gì được tái tạo lại trong một viện bảo tàng, một cuộc triển lãm hoặc trình diễn,...”* [5, tr.183-184].

2.2.2. Thực trạng khai thác các Di sản Thế giới ở Việt Nam trong du lịch

Các di sản thế giới có vai trò quan trọng đối với sự phát triển du lịch bền vững. Chúng ta cần dựa vào Công ước về Bảo vệ Di sản Thiên nhiên và Văn hóa của UNESCO (1972), Công ước về Bảo vệ Di sản Văn hóa phi vật thể Thế giới (2003) cũng như các bộ luật của Việt Nam như Luật Di sản văn hóa, Luật Du lịch, Luật bảo vệ rừng, Luật Đa dạng sinh học,...

Vấn đề đầu tiên là nhận thức thực hiện của các bên liên quan, bao gồm cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền địa phương, nhà đầu tư, doanh nghiệp du lịch, du khách. Một số địa phương đã ban hành quy chế

quản lý, bảo vệ, phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh và Quy tắc ứng xử nơi công cộng. Nhưng có một số điểm đến việc tổ chức chưa khoa học, nên khó kiểm soát và điều chỉnh hành vi liên quan, làm cho di sản có nguy cơ bị ô nhiễm do quá tải về “sức chứa” du khách. Một số nơi đặt doanh thu lợi nhuận lên trên việc bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa di sản. Vì vậy, phải có thái độ ứng xử có trách nhiệm giữa các bên liên quan trong hoạt động khai thác các giá trị di sản văn hóa thế giới nói trên. Với những di sản mang tầm cỡ thế giới, đẳng cấp cao nhất của nhân loại đa dạng và phong phú nêu trên là lợi thế của Việt Nam mà không nhiều quốc gia có được sẽ giúp cho ngành Du lịch Việt Nam phát triển đột phá và trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn như được kỳ vọng. Theo bà Trần Mai Anh, Trưởng ban biên tập Tạp chí Heritage: *“hơn 70% số lượng khách quốc tế đến Việt Nam với lý do khám phá những nét độc đáo của bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam thông qua những chuyến tham quan thực tế tại các di sản, nhất là các di sản thế giới. Điều đó đã khẳng định vai trò của các di sản đối với sự phát triển của ngành du lịch”* [6].

Bảo tồn và phát huy là hai mặt của một thể thống nhất, tác động tương hỗ để thúc đẩy sự phát triển văn hóa, kinh tế và xã hội. Chúng tôi dùng thuật ngữ *phát huy* chứ không phải là *khai thác* để tránh sự nhận thức phiến diện và triển khai thành hành động thực tiễn cực đoan đã và đang diễn ra tại nhiều quốc gia trên thế giới (trong đó có Việt Nam) với nhiều di sản tự nhiên và văn hóa bị khai thác bừa bãi, không có chính sách bảo tồn tốt làm xuống cấp di sản văn

hóa, thậm chí là xóa sổ chúng. Do đó, giữa bảo tồn và phát huy giá trị di sản có mối quan hệ biện chứng. Du lịch dựa vào bảo tồn di sản để phát huy nhưng đồng thời du lịch lại cung cấp kinh phí đầu tư, tái tạo cho bảo tồn di sản. Theo dự án Chương trình Phát triển năng lực du lịch có trách nhiệm với môi trường và xã hội (*Environmentally and Socially Responsible Tourism Capacity Development Programme*, viết tắt là *ESRT*, gọi tắt là *Dự án EU*): 37% du khách “có tác động có văn hóa”. Du khách di sản văn hóa thường đi thăm từ 2 đến 2,5 lần và chi tiêu nhiều hơn. Bà Dương Bích Hạnh, Trưởng ban Văn hóa, Văn phòng UNESCO tại Việt Nam cho rằng: *“Di sản văn hóa là yếu tố quan trọng để thúc đẩy du lịch, ngược lại, du lịch góp phần phục hưng, bảo tồn di sản, đem lại lợi ích kinh tế và tăng cường đối thoại giữa các nền văn hóa. Tuy nhiên, nếu không phát triển đúng hướng du lịch cũng góp phần gây tác hại cho di sản”* [8]. Theo thống kê của Tổng cục Du lịch, năm 2016 có 40% khách du lịch nước ngoài đến Việt Nam tham quan các địa danh có di sản nổi tiếng [13]. Năm 2017, Du lịch di sản văn hóa thế giới ở Việt Nam tăng mạnh. Danh thắng Tràng An đón gần 6,126 triệu lượt khách (trong đó gần 711 nghìn lượt khách quốc tế), doanh thu từ phí danh lam và phí chèo đò đạt khoảng 652,2 tỷ đồng. Quần thể di tích Cố đô Huế đón khoảng 3 triệu lượt khách (trong đó hơn 1,8 triệu lượt khách quốc tế), thu từ vé hơn 320 tỷ đồng (tăng gấp bốn lần so với năm 2011),... Đô thị Hội An đón 1,96 triệu lượt khách (trong đó hơn 1,5 triệu lượt khách quốc tế), thu từ vé khoảng 219 tỷ đồng. Thánh địa Mỹ Sơn đón hơn 350 nghìn lượt khách (trong đó

hơn 300 nghìn lượt khách quốc tế), thu từ vé hơn 50 tỷ đồng [7].

Tuy nhiên, xét về tổng thể, du lịch Việt Nam chưa thật sự khai thác tốt 27 Di sản Thế giới và chưa đóng góp tốt để phát huy giá trị di sản văn hóa thế giới ở Việt Nam (vì nhiều lý do như di sản xuống cấp, tổ chức giới thiệu và quảng bá yếu, điểm đến còn nhiều vấn đề,...). Ví dụ, các nhà cung ứng dịch vụ du lịch cần hiểu rằng, bảo vệ Di sản Thiên nhiên Thế giới vịnh Hạ Long tránh để di sản bị xuống cấp, suy thoái, ô nhiễm là trách nhiệm chung. Vịnh Hạ Long không ít lần bị UNESCO “huýt còi” bởi bất cập trong quản lý, bảo vệ di sản, xả chất thải, tràn dầu, san lấp lấn biển,... Đô thị Hội An đối mặt với “sức chứa” du khách quá lớn. Nếu vi phạm, UNESCO sẽ rút lại danh hiệu di sản thế giới. Gần đây, Di sản thế giới Tràng An bị xâm hại ngang nhiên, đoàn Thanh tra Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch sau khi kiểm tra đã có kết luận bước đầu, việc xây dựng trên núi Huyền Vũ (Cái Hạ) là hành vi vi phạm nghiêm trọng Luật Di sản văn hóa và vi phạm Nghị định số 109/2017/NĐ – CP ngày 21/9/2017 của Chính phủ Quy định về bảo vệ và quản lý di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới ở Việt Nam, xâm hại nghiêm trọng đến Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới duy nhất ở Việt Nam và Đông Nam Á [14]. Mặc dù, hiện nay Công ty cổ phần du lịch Tràng An đã xin tự nguyện tháo dỡ công trình xâm hại vùng lõi của di sản nhưng đây là một bài học đắt giá về ý thức và quản lý của chúng ta.

Trong những năm gần đây, Việt Nam phát triển du lịch di sản, nhưng cũng đang đặt ra những nỗi lo: làm sao cân bằng được

việc phát triển du lịch và bảo tồn di sản. Bảo tồn và phát huy, có chăng sự tồn tại song hành? Phát triển mà xem nhẹ bảo tồn thì không thể phát triển bền vững được và ngược lại chỉ bảo tồn mà không phát huy thì chỉ duy trì được giá trị tự thân của sự vật/di sản. Muốn phát huy di sản thì phải dựa vào du lịch, đó là điều mà nhiều người có thể nhìn thấy được và thực tế nhiều nước đã áp dụng thành công. Do đó, chúng ta phải nỗ lực đạt được sự cân bằng trong phát triển du lịch với việc giữ gìn, phát huy giá trị di sản mang đẳng cấp cao nhất của nhân loại đã được UNESCO công nhận. Di sản thế giới là tài sản vô giá, đẳng cấp cao nhất của nhân loại, do đó, chúng ta phải bảo tồn và phát huy có hiệu quả trong du lịch. Điều này cần phải được nhà nước, doanh nghiệp và cộng đồng tham mưu và kiên quyết thực hiện.

Di sản văn hóa, đặc biệt là các di sản văn hóa được UNESCO công nhận là đối tượng và nội dung chủ yếu của du lịch như chúng tôi đã phân tích, là nơi hoạt động của chuỗi giá trị du lịch và làm tăng giá trị của du lịch và du lịch văn hóa nói chung, du lịch di sản nói riêng là xu hướng của du lịch thời kỳ hội nhập quốc tế.

2.2.3. Giải pháp đối với các Di sản Văn hóa Thế giới trong du lịch

Du lịch Việt Nam với nhiều lợi thế về tài nguyên tự nhiên cũng như văn hóa mà đặc biệt là các di sản văn hóa được UNESCO công nhận là nguyên liệu đầu vào giúp tạo ra các sản phẩm du lịch khác biệt và đẳng cấp thế giới mà chúng ta cần phát huy giá trị của chúng. Trong các cuộc hội thảo khoa học về du lịch, các công trình nghiên cứu được công bố gần đây đề cập

đến mối liên hệ giữa di sản văn hóa và phát triển du lịch cũng như mối liên hệ biện chứng giữa bảo tồn và phát huy giá trị của chúng trong du lịch (Có thể kể đến *Hội thảo Phát triển du lịch Việt Nam trong thời kỳ mới* do Ban Kinh tế Trung ương, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch & Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tại Hà Nội, tháng 7/2015; *Hội nghị toàn quốc về phát triển du lịch* được tổ chức tại Khu nghỉ dưỡng Palm Garden, thành phố Hội An, ngày 9/8/2016; *Hội Thảo Quốc tế Các loại hình du lịch hiện đại* được tổ chức tại Trường Cao đẳng Văn hóa nghệ thuật và Du lịch Sài Gòn, ngày 20 & 21/10/2016; *Nghị quyết số 08 - NQ/TW Về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn* của Bộ Chính trị (ngày 16/01/2017),... *Di sản văn hóa Việt Nam dưới góc nhìn lịch sử* (Phan Huy Lê, 2015), *Du lịch Việt Nam thời kỳ hội nhập* (Trần Thị Minh Hòa (Chủ biên, 2015), *Tiếp biến và hội nhập văn hóa ở Việt Nam* (Nguyễn Văn Kim (Chủ biên, 2016)). Di sản văn hóa là linh hồn của các điểm du lịch, làm tăng lên nhiều lần giá trị của điểm đến. Ngược lại, nếu không có du lịch phát huy các giá trị, giới thiệu, biến thành những sản phẩm du lịch để du khách tiếp cận thì di sản văn hóa sẽ thiếu đi sức sống, không có cơ hội để phát lộ các giá trị và thậm chí trở thành gánh nặng chi phí trong việc bảo tồn, tôn tạo các di sản văn hóa. Nói rõ hơn, sự phát triển của du lịch không thể tách rời di sản văn hóa và du lịch văn hóa chính là cầu nối để di sản đến với du khách trong và ngoài nước [4, tr.327]. Vấn đề quan trọng hiện nay là làm sao chúng ta “Biến di sản thành tài sản, biến văn hóa thành hàng hóa, biến tài nguyên

thành tài chính, biến nguồn lực thành động lực, biến môi trường thành thị trường, biến giá trị thành giá cả” như quan điểm phát triển du lịch của TS. Đặng Thị Bích Liên, Thứ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã phát biểu để tăng cường quảng bá văn hóa Việt Nam ra thế giới. Chúng tôi nêu một số giải pháp thiết thực trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa thế giới ở Việt Nam trong du lịch như sau:

Nâng cao nhận thức tầm quan trọng của các di sản được UNESCO vinh danh là tài sản của nhân loại. Cần biến tài sản chung của nhân loại do ta quản lý, khai thác trở thành nguồn lực phát triển du lịch. Một khi nhận thức của cộng đồng địa phương nơi có các di sản thế giới tồn tại được nâng cao, hiểu biết giá trị đích thực của chúng thì họ mới trân trọng *viên ngọc quý* của mình và góp phần bảo vệ chúng tốt hơn. Doanh nghiệp khai thác các di sản đẳng cấp nhân loại cũng cần được nâng cao nhận thức kể cả nhận thức về việc đóng góp lợi nhuận của mình khi khai thác các di sản là điều hiển nhiên, không có gì phải bàn cãi, và cần có chế tài đối với các doanh nghiệp lấn tránh trách nhiệm đối với di sản mà họ khai thác.

Học tập kinh nghiệm của các quốc gia có nhiều di sản thế giới: Phát huy giá trị di sản văn hóa thế giới trong du lịch có lẽ không thiếu bài học đối với Việt Nam. Bài học khá đơn giản cho các nhà quản lý các di sản thế giới ở nước ta là các cơ quan quản lý nên cử người đi sang các nước có nhiều di sản thế giới như Ý, Trung Quốc, Tây Ban Nha, Pháp, Đức,... học tập các mô hình quản lý và khai thác di sản trong du lịch, những quốc gia này đã khai thác du

lịch di sản từ lâu, do đó sẽ không thiếu bài học quý báu cho chúng ta. Chúng ta học hỏi cách quản lý, khai thác di sản thế giới trong du lịch và có thể áp dụng một cách linh hoạt ở nước ta.

Khai thác di sản văn hóa thế giới phải song song với công tác bảo tồn giá trị nguyên bản: Một hướng đi cần thiết nhất mà chúng tôi thấy hiện nay trong quá trình khai thác các giá trị di sản thế giới chính là sự phát triển hài hòa giữa du lịch và các di sản một cách bền vững. Hay nói cách khác, khai thác và bảo tồn di sản là hai mặt của một vấn đề mà chúng ta luôn phải thực hiện để giữ gìn chúng cho các thế hệ tương lai và đồng thời kiếm được lợi ích lâu dài không chỉ về mặt kinh tế mà còn hiệu quả của văn hóa và môi trường (phát triển bền vững). Nếu không bảo tồn các di sản văn hóa thế giới được tốt, trong vòng 5 - 10 năm sẽ bị khai thác kiệt quệ. Du lịch có trách nhiệm sẽ nâng cao việc bảo tồn, tránh thương mại hóa các di sản văn hóa, tránh tình trạng khai thác các di sản văn hóa trong hoạt động du lịch một cách méo mó, dung tục dẫn đến việc đánh mất giá trị đích thực, nguyên bản vốn có của chúng. Như vậy, du lịch có trách nhiệm sẽ giúp cho các di sản và chính ngành du lịch phát triển bền vững được bền vững.

Phát huy vai trò của cộng đồng trong bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa thế giới: Một trong những định hướng quan trọng của du lịch di sản là cần phải gắn chặt nó với phát triển cộng đồng (cộng đồng là tâm điểm, là linh hồn của di sản). Cộng đồng phải được thụ hưởng lợi ích từ các di sản. Vẻ đẹp của các công trình kiến trúc, di sản văn hóa hàng trăm năm không thể nói

hết nếu con người ở đây không có văn hóa và sự thân thiện, khiến du khách không muốn quay lại. Phát huy vai trò cộng đồng trong phát triển du lịch di sản văn hóa rất quan trọng vì: “Trong xu thế hội nhập, toàn cầu hóa, việc tạo được sự đồng thuận trong cộng đồng để duy trì, gìn giữ và phát triển di sản văn hóa lại càng cần thiết hơn bao giờ hết. Bởi lẽ, chỉ có sự đồng thuận của toàn xã hội mới có thể giúp chúng ta có thái độ ứng xử đúng đắn với di sản và tìm ra được biện pháp bảo vệ đúng đắn để di sản luôn là một phần văn hóa sống của cộng đồng” [9, tr.485]. Để phát huy tối ưu giá trị di sản văn hóa để di sản không chỉ là di sản mà nó còn được đặt trong không gian tồn tại của nó là cộng đồng, chúng ta cần gắn kết di sản với các hoạt động văn hóa khác như đêm rằm phố cổ Hội An, Festival Huế, làng nghề, đồ thủ công mỹ nghệ,... Nhưng trên thực tế, các đối tượng tham gia vào hoạt động du lịch (du khách, nhà cung ứng dịch vụ du lịch, cộng đồng địa phương, quản lý nhà nước) chưa có nhận thức đúng và chưa đủ khiến di sản sau khi được xếp hạng tiếp tục bị tình trạng khai thác bừa bãi, không chăm lo và thiếu biện pháp bảo vệ hữu hiệu.

Phát triển sản phẩm du lịch đặc thù từ các di sản văn hóa thế giới: Khai thác có hiệu quả các giá trị di sản văn hóa thế giới để phát triển thành những sản phẩm du lịch đặc thù có tính cạnh tranh cao nhằm thu hút du khách. Phải luôn chú ý nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch di sản bằng đầu tư khoa học, công nghệ, nhân lực chất lượng cao để phát huy giá trị của chúng trong du lịch. Có thể kể đến một số di sản văn hóa vật thể và phi vật thể đang được khai thác

khá hiệu quả như *Đô thị Hội An, Quần thể di tích cố đô Huế, Thánh địa Mỹ Sơn, Danh thắng Tràng An, Không gian văn hóa công viên Tây Nguyên, Nhã nhạc cung đình Huế* (tên được UNESCO công nhận là *Nhã nhạc cung đình Việt Nam*), *Nghệ thuật Đờn ca Tài tử Nam Bộ*,... Chúng tôi có hỏi thăm một số du khách đến Việt Nam và được họ cho biết, Việt Nam nổi tiếng với vịnh Hạ Long và một số di sản văn hóa nói trên. Khi chúng tôi giới thiệu ở Việt Nam có đến 27 di sản thế giới được UNESCO công nhận thì du khách quốc tế lấy làm ngạc nhiên và thích thú vì họ không biết Việt Nam có nhiều di sản văn hóa được UNESCO công nhận đến như vậy. Tình hình nêu trên phần nào cho thấy ngành du lịch Việt Nam chưa làm tốt công tác quảng bá các di sản thế giới đến du khách quốc tế. Số liệu công trình của Michael Hitchcock, Victor T. King and Michael Parnwell xuất bản năm 2010, dẫn lại tư liệu của *UNESCO World Cultural and Natural Heritage sites in Southeast Asia* (2008) cho thấy, so với các nước Đông Nam Á khác, Việt Nam có khá nhiều di sản, xếp sau Indonesia và Thái Lan, ngang bằng Philippines và xếp trên Malaysia, Lào và Campuchia [3, tr.8-9]. Tình hình trên cho thấy, sản phẩm du lịch di sản thế giới của Việt Nam cũng bị cạnh tranh gay gắt với các nước trong khu vực. Do đó, việc tạo ra các sản phẩm du lịch di sản tốt có khả năng cạnh tranh với các nước khác trong khu vực ASEAN là điều quan trọng.

Ứng dụng công nghệ mới vào quảng bá và bảo vệ di sản: Di sản văn hóa cũng cần đến việc bảo tồn tốt như công việc trùng tu, tôn tạo cần phải giữ được nguyên bản, tránh tình trạng sau khi trùng tu, tôn

tạo, di sản biến thành một công trình hoàn toàn mới, mất đi toàn bộ giá trị lịch sử - văn hóa kết tinh trong di sản. Song song với công việc trên, trong thời đại công nghiệp 4.0, chúng ta hoàn toàn có thể bảo tồn di sản văn hóa bằng công nghệ cao như ứng dụng công nghệ để số hóa các di sản, số hóa các cổ vật bằng công nghệ 3D, 4D, ứng dụng công nghệ thông tin vào bảo vệ di sản (dự án số hóa) nhằm giữ lại và số hóa hiện vật. Du khách có thể tham quan ảo Nhà hát lớn (du khách thấy rất rõ, đẹp mà miễn phí để quảng bá du lịch). *Khu trưng bày khảo cổ* dưới lòng Tòa nhà Quốc hội (thuộc *Khu di tích trung tâm Hoàng thành Thăng Long - Hà Nội*) được xem là bảo tàng khảo cổ học đầu tiên ở Việt Nam với một không gian chứa đựng nhiều di chỉ, di tích khảo cổ và ứng dụng công nghệ cao làm cho người xem thấy ánh sáng, hình ảnh, tiếng nhạc quyện vào nhau. Như vậy, bảo tàng trong thời toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế vừa có chức năng khoa học và vừa là nghệ thuật và quan trọng hơn nữa là giá trị khảo cổ được đưa đến gần công chúng hơn.

Quảng bá sản phẩm du lịch di sản văn hóa thế giới cũng rất cần thiết để đưa thông tin, sản phẩm đến với du khách tiềm năng. Trong thời đại toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, quảng bá sản phẩm là một khâu quan trọng trong quá trình sản xuất và tiêu thụ hàng hóa, đặc biệt, du lịch là một dạng hàng hóa đặc biệt, vừa mang tính lợi nhuận của kinh tế, vừa mang những giá trị văn hóa đặc thù của quốc gia - dân tộc. Do đó, mỗi quốc gia - dân tộc đều có thể quảng bá sản phẩm du lịch của họ theo những cách khác nhau, tùy theo đặc thù của quốc gia.

Trong thời gian qua, ngành Du lịch Việt Nam chưa thực sự đầu tư nhiều cho công tác quảng bá sản phẩm du lịch ở nước ngoài.

Tăng cường quản lý nhà nước các cấp đối với di sản văn hóa thế giới cũng là giải pháp quan trọng đối với việc bảo tồn, phát huy giá trị của các di sản văn hóa thế giới tại các điểm đến. Quản lý nhà nước cấp địa phương sẽ giám sát quá trình khai thác các di sản, kịp thời phát hiện những sự cố, bất lợi đối với di sản để phối hợp với các cơ quan chức năng, cấp quản lý cao hơn nhằm bảo tồn và phát huy giá trị của các di sản trong du lịch. Phải có quy hoạch, kế hoạch, quản lý hiệu quả, đầu tư thực hiện đúng cam kết với thế giới. Giáo dục, răn đe và xử lý nghiêm các hành vi xâm hại di sản, hạn chế những tác động tiêu cực của con người đến môi trường và cảnh quan xung quanh di sản.

Tăng cường giáo dục ý thức bảo vệ di sản văn hóa thế giới nhằm tránh tình trạng “ăn xổi ở thì” trong cách làm du lịch ở một số địa phương, sinh ra hiện tượng tiêu cực tác động xấu đến di sản văn hóa. Phải bảo tồn để di sản không bị kiệt quệ, tuyệt đối không xâm hại di sản và góp phần nâng giá trị di sản.

Du lịch chỉ có thể phát triển bền vững trên cơ sở khai thác các giá trị tài nguyên du lịch là tài nguyên văn hóa, tạo ra nhiều sản phẩm du lịch hấp dẫn, khác biệt, có khả năng cạnh tranh trong các vùng miền và thế giới. Du lịch còn có vai trò trong việc bảo tồn, phát huy giá trị của di sản một cách có hiệu quả. Du lịch làm cho du khách và thế giới biết, trải nghiệm, cảm nhận về giá trị của di sản văn hóa Việt Nam. Du lịch cung cấp kinh phí để bảo tồn, phát huy di sản.

Đào tạo nguồn nhân lực phục vụ du lịch di sản văn hóa thế giới: Để di sản văn hóa thế giới phát huy tối ưu giá trị, chúng ta cũng cần đến một đội ngũ cán bộ làm công tác du lịch di sản, đặc biệt là đội ngũ hướng dẫn viên du lịch di sản từ kiến thức, kỹ năng, thái độ và ngoại ngữ. Khi du khách mua các chương trình tham quan các di sản văn hóa, họ mong muốn các nhà cung cấp dịch vụ du lịch cung cấp cho họ những thông tin tốt nhất về các di sản văn hóa để họ thấu hiểu các giá trị của di sản văn hóa.

Trong bài viết, chúng tôi cũng đề xuất một số ý kiến nhằm khai thác các sản phẩm du lịch độc đáo, đặc sắc từ chất liệu là các di sản văn hóa sẵn có một cách tốt hơn, hiệu quả hơn. Chúng ta bắt đầu bằng việc nhận thức đúng đắn tầm quan trọng của các di sản văn hóa và việc khai thác chúng để có những hành động thành công. Chúng tôi luôn trăn trở làm sao đưa giá trị đích thực của các di sản văn hóa đến với du khách để họ thực sự cảm nhận, trải nghiệm đây là những kiệt tác văn hóa của nhân loại hiện hữu trên đất nước Việt Nam được sáng tạo ra bởi các dân tộc sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam mang hình dáng chữ S. Điều này rất phù hợp với *Hiến chương Quốc tế về Du lịch Văn hóa* đã nêu ở nguyên tắc số 3: “*Các chương trình bảo tồn và du lịch cần giới thiệu những thông tin chất lượng cao để làm du khách hiểu tối đa những đặc điểm quan trọng của di sản và sự cần thiết phải bảo vệ chúng, để làm cho du khách thích thú địa điểm một cách thích đáng*” [1, tr.129]. Như vậy, cần làm cho khách hiểu tối đa những đặc điểm quan trọng của di sản văn hóa và sự cần thiết bảo vệ chúng để chính bản thân các di sản văn hóa có thể

được bảo tồn, làm giàu và phát huy các giá trị vốn có của nó mới là điều quan trọng nhất. Để làm được điều này, chúng tôi thiết nghĩ phải có sự hợp tác hài hòa về trách nhiệm và lợi ích giữa các nhà quản lý di sản (tài nguyên du lịch), các công ty lữ hành (môi giới khai thác các di sản), nguồn nhân lực du lịch chất lượng cao có năng lực khai thác giá trị di sản văn hóa và khách du lịch (đối với khách du lịch quốc tế).

3. KẾT LUẬN

Với 27 Di sản Thế giới được UNESCO công nhận dưới nhiều danh hiệu, trong đó có đến 24 Di sản Văn hóa Thế giới là một con số đáng tự hào của Việt Nam. Đó thật sự là tài sản đẳng cấp hàng nhất của nhân loại và du lịch Việt Nam đang đứng trước cơ hội tạo ra sản phẩm đặc thù và khác biệt nhằm thu hút hơn nữa du khách quốc tế. Do đó, có thể nói rằng du lịch di sản thế giới sẽ là một trong những hướng phát triển chủ yếu của Việt Nam, tuy nhiên hiện nay du lịch di sản vẫn chưa được khai thác tốt và chưa đóng góp xứng tầm trong cơ cấu sản phẩm du lịch và vẫn chưa trở thành một sản phẩm đặc thù của du lịch Việt Nam để mỗi khi du khách nhắc đến Việt Nam là nhớ đến các di sản thế giới và tên tuổi của Việt Nam gắn liền với các di sản này. Đi liền với thực trạng bảo tồn và khai thác các di sản văn hóa thế giới trong du lịch là các giải pháp thiết thực có liên quan như nhận thức tầm quan trọng của các di sản, cử người đi học tập kinh nghiệm quản lý và khai thác của các nước có nhiều di sản thế giới, ứng dụng công nghệ mới vào quản lý và khai thác các di sản, đào tạo nguồn nhân lực khai thác du lịch di sản,... đặc biệt là các đối tượng tham gia vào hoạt

động du lịch như du khách, nhà cung ứng dịch vụ du lịch, cộng đồng địa phương, quản lý nhà nước các cấp về di sản cũng như những giải pháp về tăng cường quảng bá sản phẩm du lịch di sản ra thế giới.

Di sản văn hóa thế giới thực sự là sức mạnh mềm của một quốc gia - dân tộc. Hơn thế nữa, chính hoạt động du lịch góp phần bảo tồn, duy trì lâu bền những giá trị văn hóa đang dần mai một hoặc bị phá hủy bởi thời gian. Hơn thế nữa, du lịch di sản là một trong những công cụ hữu hiệu để quảng bá hình ảnh văn hóa Việt Nam với thế giới. Hoạt động du lịch sẽ góp phần giới thiệu giá trị về nền văn hóa độc đáo của Việt Nam qua mấy nghìn năm văn hiến, thông qua xúc tiến du lịch, tổ chức tạo ra sản phẩm phục vụ khách và tổ chức các chương trình du lịch.

Những di sản văn hóa thế giới của nước ta vừa kể trên là xứng tầm hạng nhất của nhân loại. Quan điểm về lợi thế, về tài nguyên du lịch của Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế cần phải thay đổi căn bản về nhận thức, quản lý di sản và phải coi đây là tài sản của nhân loại, không phải của riêng Việt Nam (nhưng do Việt Nam bảo tồn, phát huy và khai thác). Nhân loại có quyền được tiếp cận, tận hưởng tài nguyên đó và có trách nhiệm với chúng. Bằng cách nào đó, chúng ta phải góp sức biến những tiềm năng đó thành lợi ích hiện thực của nhân dân Việt Nam và nhân loại, ở cấp độ xứng với tầm “hạng nhất thế giới”. Bài viết này góp thêm tiếng nói để một ngày sắp tới, ngành Du lịch Việt Nam thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Arthur Pederson (2002), *Tài liệu hướng dẫn về di sản Thế giới* (bản dịch tiếng Việt của Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam).
- [2] Bộ Chính trị (2017), *Nghị quyết số 08 - NQ/TW*, về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.
- [3] Michael Hitchcock, Victor T. King and Michael Parnwell (eds, 2010), *Heritage tourism in Southeast Asia*, Nias Press.
- [4] Nguyễn Văn Kim (Chủ biên, 2016), *Tiếp biến và hội nhập văn hóa ở Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [5] Phạm Trung Lương (Chủ biên, 2000), *Tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam*, Nxb Giáo dục.
- [6] Phong Chương (2014), *Xây dựng chiến lược quảng bá di sản thế giới tại Việt Nam*, <https://baomoi.com>.
- [7] Thảo Nguyên (2018), *Phát triển bền vững giá trị di sản thế giới ở Việt Nam*, <http://www.nhandan.com.vn/vanhua>.
- [8] Thủy Mai (2015), *Phát triển hài hòa giữa du lịch và di sản văn hóa*, <https://baotintuc.vn/du-lich>.

- [9] Trần Thị Lam Thủy (2017), *Bàn về vấn đề di sản văn hóa và việc bảo tồn các di sản văn hóa trong thời kỳ hội nhập (xét trường hợp văn hóa phi vật thể Ví, Giặm xứ Nghệ)*, in trong *Quản lý và khai thác di sản văn hóa trong thời kỳ hội nhập*, Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
- [10] UNESCO (2003), *Công ước về bảo vệ Di sản văn hóa phi vật thể* (Bản dịch của Trần Hải Vân; Ủy ban Quốc gia UNESCO của Việt Nam hiệu đính).
- [11] UNESCO (2004), *The Criteria for Selection*, <http://whc.unesco.org/en/criteria>.
- [12] UNESCO & ICH (2004), *What is Intangible Cultural Heritage?*, <https://ich.unesco.org>.
- [13] Yên Nga (2017), *Khai thác di sản văn hóa và thiên nhiên trong du lịch: Cần ứng xử có trách nhiệm*, Hà Nội Mới, truy cập 10-01-2018.
- [14] <http://vietnamnet.vn/vn/giai-tri/di-san-my-thuat-san-khau/vung-loi-di-san-trang-an-bi-xam-hai-nghiem-trong-434050.html>.

Ngày nhận bài: 26-02-2018. Ngày biên tập xong: 12-4-2018. Duyệt đăng: 19-5-2018.